

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST  
Ngày: 16 – 5 – 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Thới Phần.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Thị Kim Quyên.

2. Bà Trần Thị Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, tòa nhà S, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

Bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại cho: Ông Ong Hoàng Ph – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Theo Giấy ủy quyền số 011386.22 ngày 17/02/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Anh Võ Phú Q, sinh năm: 1987.

+ Chị Vũ Thị Đ, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Ong Hoàng Ph là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày:*

1. Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Tân Bình có ký với anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 266.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 03/7/2018 đến ngày 02/7/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,29%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 4.450.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.450.000 đồng. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/7/2018; Trả phí: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

2. Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Tân Bình có ký với anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI GRAND i10; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 27/12/2018 đến ngày 26/12/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,8%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,4%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,4%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 15,

mỗi tháng trả 3.340.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.940.000 đồng; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2019; Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0505/KUNN-VIB605/18 ngày 02/7/2018 với số tiền 266.000.000 đồng, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0186/KUNN-VIB605/18 ngày 26/12/2018 với số tiền 200.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 12/7/2021, anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 177.076.552 đồng, trong đó gồm có:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018, anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 114.818.056 đồng (trong đó nợ gốc là 80.100.000 đồng, lãi là 34.718.056 đồng).

- Theo hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018, anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 62.258.496 đồng (trong đó nợ gốc là 43.420.000 đồng, lãi là 18.838.496 đồng).

Tạm tính đến ngày 12/7/2021, anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ nợ ngân hàng TMCP Q số tiền là 421.993.810 đồng, trong đó gồm có:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018 là 229.914.611 đồng. Trong đó, nợ gốc là 185.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 14.891.194 đồng, nợ lãi quá hạn là: 29.123.417 đồng.

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018 là 192.079.199 đồng. Trong đó, nợ gốc là 156.580.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.212.045 đồng, nợ lãi quá hạn là: 24.287.154 đồng.

Nay ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ trên.

Và yêu cầu anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ tiếp tục trả lãi cho ngân hàng từ ngày 12/7/2021 cho đến khi anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tính đến ngày 16/5/2022, anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ nợ ngân hàng TMCP Q số tiền là 499.583.451 đồng, trong đó gồm có:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018 là 271.061.667 đồng. Trong đó, nợ gốc là 185.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 2.327.247 đồng, nợ lãi quá hạn là: 82.834.420 đồng.

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018 là 228.521.784 đồng. Trong đó, nợ gốc là 156.580.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 847.600 đồng, nợ lãi quá hạn là: 71.094.184 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q và chị Đ từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà anh Q và chị Đ không đến tòa án và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp giao nộp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nên không ghi nhận được lời trình bày của anh Q và chị Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật.

#### *Về nội dung vụ án:*

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa Ngân hàng Q và anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ có ký kết các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018 và Hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018.

Căn cứ các khế ước nhận nợ thì Ngân hàng đã giải ngân cho anh Q và chị Đ với tổng số tiền vốn là 466.000.000 đồng. Sau khi nhận nợ thì anh Q và chị Đ có thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ngân hàng đến ngày 30/01/2020 đến nay anh Q và chị Đ không thanh toán nợ cho ngân hàng nên khoản vay này đã quá hạn. Tính đến

thời điểm xét xử sơ thẩm thì anh Q và chị Đ còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng vốn và lãi là 499.583.451 đồng. Do anh Q và chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng Q, xét thấy:

[4.1]. Hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018 thỏa thuận Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoảng vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,29%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[4.2]. Hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018 thỏa thuận Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,8%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,4%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoảng vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Anh Q và chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh Q và chị Đ phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[5]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Anh Q và chị Đ đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh Q và chị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu anh Q và chị Đ trả số tiền còn nợ gồm vốn và lãi tổng cộng 499.583.451 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ đó, có cơ sở buộc anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Q số tiền vay còn nợ tổng cộng 499.583.451 đồng; trong đó vốn gốc 342.480.000 đồng, lãi trong hạn 3.174.847 đồng, lãi quá hạn 153.928.604 đồng.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ được tính cụ thể như sau:  $20.000.000đ + (99.583.451đ \times 4\%) = 23.983.338$  đồng. Ngân hàng Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ.

2. Buộc anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử tổng cộng 499.583.451đ (bốn trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi một đồng). Trong đó vốn gốc là 342.480.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng), lãi trong hạn là 3.174.847đ (ba triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng), lãi quá hạn 153.928.604đ (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm lẻ bốn đồng) cụ thể như sau:

2.1. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0505/HDTD-VIB605/18 ngày 29/6/2018 là 271.061.667đ (hai trăm bảy mươi một triệu không trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 185.900.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.327.247đ (hai triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 82.834.420đ (tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi đồng).

2.2. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 1142/HDTD-VIB605/18 ngày 25/12/2018 là 228.521.748đ (hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 156.580.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 847.000đ (tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), nợ lãi quá hạn là 71.094.184đ (bảy mươi một triệu không trăm chín mươi bốn ngàn một trăm tám mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/5/2022), anh Quí và chị Diệp còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Phú Q và chị Vũ Thị Đ phải chịu là 23.983.338đ (hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi tám đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại 10.550.000 đ (mười triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0006065 lập ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2022). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Thới Phần**